

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HCPT

Ngày 02/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh

Ông Nguyễn Gia Lương

Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2016/TLPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường về đất”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08a/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* + Ông Ninh Đức B, sinh năm 1953 (vắng mặt);

+ Anh Ninh Văn H (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Ninh Đức B:* Anh Ninh Văn H (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Anh T, Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người bị kiện:* UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Giáp Văn Ồ, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Vũ Công Đ, Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện L (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (vắng mặt);

2. NLQ2 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2: Anh Ninh Văn H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ kiện như sau:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Ninh Đức B là người khởi kiện trình bày: Theo sổ hộ khẩu gia đình thì từ trước đến nay ông là chủ hộ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và NLQ1 đối với diện tích 992m² đất, trong đó có 240m² đất ở và 752m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08 tháng 11 năm 2010 sau khi tách sổ cho con. Nguồn gốc diện tích đất là do nhà nước giao quyền sử dụng.

Trong quá trình sử dụng từ năm 1930 cho đến nay, gia đình ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Diện tích đất trên gia đình ông vẫn được giữ nguyên hiện trạng, không coi lối thêm, đặc biệt về phía mặt đường. Việc UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 992m² đất đứng tên ông và vợ ông là NLQ1 gia đình ông không có thắc mắc hay khiếu nại khiếu kiện gì.

Việc UBND huyện Lục Nam đã thu hồi phần diện tích đất 417,5m² đất ở và đất vườn tại số thửa 14, tờ bản đồ số 17 nhưng không được bồi thường mà chỉ bồi thường diện tích 53,3m² đất ở và 166,8m² đất vườn và trị giá tài sản trên đất mà không có quyết định thu hồi, không thực hiện bồi thường đất nên gia đình ông không đồng ý. Đến ngày 09/5/2014 UBND huyện L đã ra Quyết định số 428/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất là không đúng quy định của pháp luật.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Ninh Đức B tại phiên tòa quan điểm của anh H là không thắc mắc gì về tài sản trên đất đã được bồi thường mà chỉ yêu cầu bồi thường đối với diện tích 417,5m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi, đề nghị TAND huyện L xem xét, giải quyết tuyên quyết định trên là trái quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Ninh Văn H là người khởi kiện và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị NLQ2 trình bày: Theo sổ hộ khẩu gia đình thì từ trước đến nay anh là chủ hộ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh và vợ anh là chị NLQ2 đối với diện tích 243,5m² đất, trong đó có 80m² đất ở và 163,5m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08 tháng 11 năm 2010. Nguồn gốc diện tích đất là do bố mẹ anh là ông Ninh Đức B và bà NLQ1 tách cho sau đó được nhà nước công nhận quyền sử dụng.

Trong quá trình sử dụng từ khi được sang tên cho đến nay, vợ chồng anh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Diện tích đất trên vợ chồng anh vẫn giữ nguyên hiện trạng, không coi lối thêm, đặc biệt về phía mặt đường. Việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 243,5m² đất đứng tên anh và vợ anh là chị NLQ2 gia đình anh không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì.

Việc UBND huyện L đã thu hồi phần diện tích đất 184,2m² đất ở và đất vườn tại thửa số 20, tờ bản đồ số 17 và cưỡng chế tài sản trên diện tích đất trên, trong đó có 1,5m² đất ở và 3,1m² đất vườn đã được bồi thường mà không có quyết định thu hồi, không thực hiện bồi thường 184,2m² đất ở mà chỉ bồi thường trị giá tài sản trên đất nên gia đình anh không đồng ý. Đến ngày 09/5/2014 UBND huyện L đã ra Quyết định số 427/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất là không đúng quy định của pháp luật.

Nay quan điểm của anh là không thắc mắc gì về tài sản trên đất đã được bồi thường mà chỉ yêu cầu bồi thường đối với diện tích 184,2m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi, đề nghị TAND huyện L xem xét, giải quyết tuyên quyết định trên là trái quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, với tư cách là người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của ông Ninh Đức B, anh Ninh Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

2. UBND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, do ông Giáp Văn O, Chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 21/5/2014 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất vì mục đích phát triển kinh tế đất nước. Do vậy trước, trong và sau khi ban hành quyết định trên, UBND huyện L đã triển khai, tiến hành đúng trình tự, thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Vì trước khi ban hành Quyết định số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 09/5/2014 UBND huyện L đã tiến hành triển khai tổ chức thực hiện thông báo thu hồi đất; họp triển khai công tác bồi thường GPMB ĐT 293 tại UBND xã V; họp phổ biến chế độ chính sách khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ có đất, tài sản trên đất bị thu hồi tại thôn A; tổ chức cho hộ gia đình, cá nhân tự kê khai; tiến hành kiểm kê hiện trạng về đất, tài sản hoa màu trên đất của hộ gia đình; lập phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và công khai lấy ý kiến nhân dân về phương án tại nhà văn hóa thôn, UBND xã; kết thúc công khai tiến hành giải quyết các nội dung kiến nghị của nhân dân theo đơn, tiếp thu các kiến nghị đúng, hợp lý và điều chỉnh phương án trình Hội đồng GPMB huyện thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trình UBND huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc vợ chồng ông Ninh Đức B và vợ chồng anh Ninh Văn H yêu cầu bồi thường đối với diện tích bị thu hồi nhưng không được bồi thường là vì diện tích đất này thuộc hành lang giao thông tỉnh lộ 293 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy hoạch từ năm 1982 theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng. Đến năm 1983 UBND tỉnh Hà Bắc đã ban hành Chỉ thị số

13 về việc thực hiện Nghị định trên đối quốc lộ tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh, trong đó có tỉnh lộ 293. Đến năm 1995 cơ quan nhà nước có thẩm quyền bắt đầu tiến hành cắm mốc lộ giới con đường 293. Việc thực hiện này do Công ty quản lý đường bộ thuộc Sở giao thông Bắc Giang thực hiện. Trên cơ sở đó UBND huyện đã yêu cầu UBND các xã thông báo đến các hộ gia đình trên phương tiện thông tin để các cá nhân, tổ chức và các hộ gia đình nắm được.

Đối chiếu với các quy định nêu trên, hộ gia đình ông Ninh Đức B, tại số thửa 14 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 17, có tổng diện tích trích đo GPMB là 1.451,6m², phần diện tích thực hiện dự án là 637,6m², trong đó có 53,3m² đất ở nông thôn và 166,8m² đất trồng cây lâu năm được bồi thường; còn 417,5m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ không đủ điều kiện được bồi thường (không nằm trong GCNQSD đất đã cấp). Diện tích còn lại sau khi trừ hành lang giao thông, vợ chồng ông Bộ đang quản lý sử dụng là 1.034,1m².

Tại số thửa 20 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 17, có tổng diện tích trích đo GPMB là 473,8m², phần diện tích thực hiện dự án là 188,8m², trong đó được bồi thường là 19,6m² đất ở nông thôn và 3,1m² đất trồng cây lâu năm được bồi thường, còn 166,1m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ không đủ điều kiện được bồi thường (không nằm trong GCNQSD đất đã cấp). Diện tích còn lại sau khi trừ hành lang giao thông, vợ chồng anh H đang quản lý sử dụng là 307,7m².

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang trong vụ án quan điểm của ông là không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện đã đưa ra, đề nghị Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Vì lý do công việc đơn vị bận, ông xin được vắng mặt tại các phiên đối thoại và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: áp dụng: Điều 27, 28, 29, 131, 163, 164, 174 và 176 Luật tố tụng hành chính 2010; Điều 157, 158, 164, 193, 194, 204, 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015. Áp dụng: Điều 44, 43 và 44 Đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 4 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 và khoản 1, 2 Điều 14, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H về việc đề nghị tuyên Quyết định số số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 21/5/2014 của UBND huyện L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất là trái quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu của ông Ninh Đức B về việc yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường đối với diện tích bị thu hồi 417,5 m² đất ở.

Bác yêu cầu của anh Ninh Văn H về việc yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường đối với diện tích bị thu hồi 184,2m² đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/3/2017, người khởi kiện anh Ninh Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 01/2017/HCST ngày 01 tháng 3 năm 2017 và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, buộc UBND huyện L phải bồi thường về đất cho gia đình anh.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Các đương sự trình bày:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Nguyễn Anh T trình bày: Hộ gia đình ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H đã được cấp giấy chứng nhận và sử dụng đất hợp pháp. Kể từ khi được giao quyền sử dụng đất các hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Nguồn gốc đất là do cha ông để lại, sử dụng từ năm 1930. Do vậy việc UBND huyện L không bồi thường cho các hộ nêu trên là không đảm bảo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên Quyết định số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 21/5/2014 UBND huyện L là trái quy định của pháp luật, buộc UBND huyện L phải bồi thường cho vợ chồng ông B đối với diện tích 417,5m² đất ở và vợ chồng anh H diện tích 184,2m² đất ở theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14 và Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ..

- Anh Ninh Văn H trình bày: nhất trí ý kiến Luật sư.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt có ý kiến: giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng ý với bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án huyện L đã xử, không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa- ông Vũ Công Đ có quan điểm:

UBND huyện L đã ban hành quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 và quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường GPMB (Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT 293, Địa phận xã V, huyện L, Đợt 1) của UBND huyện L là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, việc UBND huyện ban hành quyết định số 427, số 428 là đúng quy định của pháp luật. Về việc hộ gia đình ông B và anh H yêu cầu bồi thường đối với diện tích bị thu hồi là thuộc hành lang giao thông nên không được bồi thường. Khi cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông B và anh H đã trừ hành lang giao thông. Đo thực tế thì diện tích đất còn lại và diện tích hành lang giao thông hộ ông B và hộ anh H đang sử dụng lớn hơn diện tích đất trong GCNQS đất của hộ ông B và hộ anh H. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của anh H, đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm về phần án phí của ông Ninh Đức B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại giai đoạn phúc thẩm, Ông Giáp Văn O là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Do vậy, HĐXX phúc thẩm tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

1. Về thủ tục tố tụng:

* Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2014 của ông Ninh Đức B và anh Ninh Đức H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết hủy Quyết định số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 21/5/2014 của UBND huyện L vì có liên quan đến diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 103, Điều 104, Điều 105 Luật tố tụng hành chính 2010 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố tụng hành chính” thì việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và đưa ra xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại thời điểm giải quyết.

2. Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng:

* Xét tính hợp pháp quyết định số 427, số 428:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND huyện L ban hành quyết định c- ỡng chế thu hồi đất số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 21/5/2014 về việc áp dụng biện pháp c- ỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất của hộ gia đình ông Ninh Đức B và anh Ninh Đức H để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đ- ờng 293 và tuyến nhánh vào Chùa V là đúng quy định tại Điều 44 Luật đất đai 2003.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định số 427, số 428:

Tr- ớc khi ban hành quyết định c- ỡng chế thu hồi đất số 427, số 428 của UBND huyện L quyết định về việc áp dụng biện pháp c- ỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất của hộ gia đình ông Ninh Đức B và anh Ninh Đức H thôn A, xã V để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đ- ờng 293 và tuyến

nhánh vào Chùa V, UBND huyện đã tiến hành triển khai tổ chức thực hiện thông báo thu hồi đất; họp triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ĐT 293 tại UBND xã V; họp phổ biến chế độ chính sách khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ có đất, tài sản trên đất bị thu hồi tại thôn A, xã V; tổ chức cho hộ gia đình, cá nhân tự kê khai; tiến hành kiểm kê hiện trạng về đất, tài sản hoa màu trên đất của hộ gia đình; lập phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và công khai lấy ý kiến nhân dân về phương án tại nhà văn hóa các thôn, UBND xã; kết thúc công khai tiến hành giải quyết các nội dung kiến nghị của nhân dân theo đơn, tiếp thu các kiến nghị đúng, hợp lý và điều chỉnh phương án trình Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đã công khai quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại UBND xã V và tại thôn A; đã trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông B và anh H, ông B và anh H đã nhận đủ tiền. Do vậy việc ban hành quyết định thu hồi đất số 1080/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 và quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường GPMB (Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT 293, Địa phận xã V, huyện L, Đợt 1) của UBND huyện L là cơ bản đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Hộ gia đình ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ngày 27/10/2012 nhưng không tiến hành bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Qua nhiều lần tuyên truyền, vận động nhưng hộ gia đình ông Ninh Đức B và anh Ninh Đức H vẫn không chấp hành việc bàn giao mặt bằng, do vậy ngày 21/5/2014 UBND huyện L đã ban hành quyết định số 427, số 428 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất và tháo dỡ tài sản trên đất đối với gia đình ông B và anh H.

Do vậy, quyết định số 427, số 428 ban hành là đúng theo quy định tại các Điều 39, 44 Luật đất đai 2003; Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót là không xem xét, đánh giá quyết định 1080 và quyết định 1089. Tuy nhiên thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông B và anh H. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

* Về yêu cầu bồi thường về đất của ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H:

- Diện tích 992m² đất của gia đình ông Ninh Đức B được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2010 được sử dụng 992m². Tại giấy chứng nhận trên thể hiện rõ thửa đất có các cạnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được trừ hành lang an toàn giao thông 78m².

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/9/2015, đo đạc ngày 16/11/2015 và hồ sơ kỹ thuật GPMB do UBND huyện L cung cấp thì tổng diện tích trích đo GPMB là 1.451,6m², phần diện tích thực hiện dự án là 637,6m², trong đó có 53m² đất ở nông thôn và 166,8m² đất trồng cây lâu năm được bồi thường; còn 417,5m² nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông đường bộ không đủ điều kiện được bồi thường (không nằm trong GCNQSD đất đã cấp). Diện tích còn lại sau khi trừ HLGTT, hộ ông B đang quản lý sử dụng là 1.034,1m² lớn hơn so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này thực

tế ông B đã xây dựng nhà cửa công trình trên đất còn một khoảng cách tính từ tường căn nhà 4 gian nằm phía mặt đường đến mép đường tỉnh 293 rộng 6m.

- Diện tích 243,5m² đất của gia đình anh Ninh Văn H đ- ợc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2010 đ- ợc sử dụng 243,5m². Tại giấy chứng nhận trên thể hiện rõ thửa đất có các cạnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được trừ hành lang an toàn giao thông 31m².

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/9/2015, đo đạc ngày 01/11/2015 và hồ sơ kỹ thuật GPMB do UBND huyện L cung cấp thì tổng diện tích trích đo GPMB là 473,8m², phần diện tích thực hiện dự án là 188,8m², trong đó có 19,6m² đất ở nông thôn và 3,1m² đất trồng cây lâu năm được bồi thường; còn 166,1m² nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông đường bộ không đủ điều kiện được bồi thường (không nằm trong GCNQSD đất đã cấp). Diện tích còn lại sau khi trừ HLGT, hộ anh H đang quản lý sử dụng là 307,7m² lớn hơn so với diện tích đất đ- ợc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này thực tế anh H đã xây dựng nhà cửa công trình trên đất từ năm 2012, 2013 sau khi được cấp GCNQSD đất, hiện các công trình trên còn một khoảng cách tính từ mái vẩy của công trình nhà cửa nằm ở phía mặt đường đến mép đường tỉnh lộ 293 rộng 2,5m. Việc thẩm định tại chỗ và đo đạc ông được chứng kiến và tham gia.

Tại phiên tòa ý kiến của anh H vẫn yêu cầu UBND huyện L phải bồi thường đối với diện tích 417,5m² đất ở của hộ ông B và vẫn yêu cầu UBND huyện L phải bồi thường đối với diện tích 184,2m² đất ở của hộ anh H là không có căn cứ vì anh H không có tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án để chứng minh sự việc trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông B và anh H thừa nhận việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông B và anh H là đúng pháp luật. Sau khi nhận đ- ợc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hộ gia đình không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì đến cơ quan có thẩm quyền. Toàn bộ diện tích đất của hộ ông B và anh H bị thu hồi nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ tỉnh lộ 293 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy hoạch từ năm 1982 theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng. Đến năm 1983 UBND tỉnh Hà Bắc đã ban hành Chỉ thị số 13 về việc thực hiện Nghị định đối với quốc lộ tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh, trong đó có đường tỉnh lộ 293. Trên cơ sở đó UBND huyện đã yêu cầu UBND các xã thông báo đến các hộ gia đình trên phương tiện thông tin để các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình nắm được.

Từ các căn cứ trên xác định, quyết định số 427, số 428 được ban hành có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự và cơ bản là đảm bảo thủ tục.

Do vậy, việc UBND huyện L không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông B đối với diện tích 417,5m² đất ở và hộ anh H đối với diện tích 184,2m² đất ở là đúng quy định của pháp luật. Việc tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh gì thêm mới cho yêu cầu trên. Do

vậy, việc ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H khởi kiện và kháng cáo như trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính, căn cứ vào tài liệu chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xét xử vụ án và ra bản án, quyết định như đã tuyên là có căn cứ.

Ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ, do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần bác kháng cáo của ông B và anh H.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Ninh Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông B là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và hành chính phúc thẩm. Do đó, trả lại toàn bộ tiền án phí cho ông B.

Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc áp dụng Điều 4 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 đã hết hiệu lực.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Ninh Văn H, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Áp dụng: Điều 27, 28, 29, 131, 163, 164, 174 và Điều 176 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 39, khoản 1 Điều 42, điểm b khoản 1 Điều 43, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 7, Điều 8 nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 Điều 14; Điều 30; Điều 31; Điều 32 nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ, Nghị định 203 – HĐBT ngày 21/12/1982, Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính Phủ và Chỉ thị số 13/CT-UB ngày 11/8/1983.

Áp dụng Điều 5, khoản 1 khoản 3 Điều 31; khoản 2 Điều 34; khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án đối với anh Ninh Văn H. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 2 Luật người cao tuổi đối với ông Ninh Đức B. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ninh Đức B và anh Ninh Văn H về việc đề nghị tuyên Quyết định số 427/QĐ-UB và 428/QĐ-UB cùng ngày 21/5/2014 của

UBND huyện L về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất, tháo dỡ tài sản trên đất là trái quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu của ông Ninh Đức B về việc yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường đối với diện tích bị thu hồi 417,5 m² đất ở.

Bác yêu cầu của anh Ninh Văn H về việc yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường đối với diện tích bị thu hồi 184,2m² đất ở.

2. Về án phí: anh Ninh Văn H phải chịu 300.000 tiền án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận anh Ninh Văn H đã nộp đủ tiền án phí tại biên lai thu số AA/2010/000720 ngày 07/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Ninh Đức B. Trả lại ông B số tiền 200.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 009082 ngày 06/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trả lại ông B số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/000721 ngày 07/3/2017 do anh Ninh Văn H nộp thay của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS, CCTHADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HS, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Dung